

Bản án số: **13/2019/HSST**

Ngày: 05/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Phạm Thị Vui** - Chuyên viên phòng Giáo dục thành phố Đbp, tỉnh Đb;

Bà **Đoàn Thị Quế** - Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Đbp, tỉnh Đb.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb tham gia phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2019/TLST - HS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T**; Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 23/10/2001 tại Đb.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 14, phường Nt, thành phố Đbp, tỉnh Đb.

Nghề nghiệp: Không.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 11/12 phổ thông;

Con ông Nguyễn Trường TH và con bà Nguyễn Thị TH;

Bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Ngày 22/11/2018 bị cáo được giao cho người đại diện giám sát và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

*** Người đại diện theo pháp luật đồng thời là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T** là ông **Nguyễn Trường TH** - Địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường Nt, thành phố Đbp, tỉnh Đb (bố đẻ bị cáo) – có mặt.

*** Người bị hại:** Anh **Đặng Xuân H** - Địa chỉ: Khối 09, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Đb – vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh **Nguyễn Bảo Tr** - Địa chỉ: Tổ dân phố 17, phường Mt, thành phố Đbp, tỉnh Đb – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 15/11/2018, Nguyễn Minh T đi lang thang một mình đến khu vực tổ dân phố 02, phường Tân Thanh, thành phố Đbp thì phát hiện thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha màu đen - bạc, biển kiểm soát 27Y1 - 0268 của anh Đặng Xuân H dựng trước cửa hàng Mobifone, vẫn cắm chìa khóa điện. Quan sát thấy không có người, T nảy sinh ý định chiếm đoạt mang cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. T ngồi lên xe mở khóa điện, dùng hai chân đẩy xe xuống đường đi được khoảng 10 mét thì nổ máy điều khiển xe đến quán Internet AE thuộc tổ dân phố 31, phường Mt, thành phố Đbp để ngủ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T kiểm tra trong cốp xe thấy trong cốp có 01 bộ áo mưa màu đen và 01 đôi găng tay vải màu đen – đỏ, T để nguyên rồi điều khiển đến khu vực xã Thanh Hưng, huyện Đb, tỉnh Đb để cầm cố thì bị Đội Cảnh sát giao thông, trật tự - cơ động Công an huyện Đb tạm giữ chiếc xe máy trên do vi phạm hành chính. Chiếc chìa khóa xe máy T đã rút đi Cơ quan Công an không thu giữ được

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 15/11/2018, tại khu vực tổ dân phố 02, phường Tân Thanh, thành phố Đbp, Nguyễn Minh T có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Xuân H là một chiếc xe máy có tổng giá trị 3.925.000 đồng.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 70/CT - VKSNDTPĐBP ngày 21/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đbp để xét xử bị cáo Nguyễn Minh T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36; khoản 1, 6 Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ **06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ** về tội trộm cắp tài sản. Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho UBND phường Nt, thành phố Đbp, tỉnh Đb giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ tại địa phương. Không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn người bị hại thừa nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đbp, tỉnh Đb, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 01 giờ 40 phút ngày 15/11/2018, tại khu vực tổ dân phố 02, phường Tân Thanh, thành phố Đbp, Nguyễn Minh T đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Xuân H là một chiếc xe máy có tổng giá trị 3.925.000 (*Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Minh T là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn trên địa bàn thành phố Đbp. Với hành vi trên, với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp trên thì bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội Trộm cắp tài sản theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Qua phần xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội là do THiếu ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức và THiếu ý thức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; nhận thức đ-ợc việc làm của mình là vi phạm pháp luật hình sự nh-ng để nhanh chóng có tiền phục vụ nhu cầu của bản thân bị cáo đã lao vào con đường phạm tội.

Ngày 15/11/2018 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đặng Xuân H. Ngày 22/11/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đbp ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hơn nữa bị cáo T phạm tội trong khi bị cáo chưa đủ 18 tuổi do vậy HĐXX cần áp dụng Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ch- a cần THết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo đ-ợc cải tạo ở ngoài xã hội với hình phạt Cải tạo

không giam giữ cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đbp đã trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 27Y1 - 0268, 01 bộ áo mưa và 01 đôi găng tay vải cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đặt vấn đề giải quyết về phần dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36; khoản 1, 6 Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T **09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Nt, thành phố Đbp, tỉnh Đb nhận đ-ợc quyết định TH hành án. Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho UBND phường Nt, thành phố Đbp, tỉnh Đb giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ tại địa ph- ơng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2019). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- CQĐT CATP ĐBP;
- CQTHAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Đb;
- HS TH hành án HS;
- Chi cục TH hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

Hà Thị Tám